

Số: 09/2024/NQ-HĐND

Hậu Giang, ngày 24 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến,
giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

b) Các chương trình, đề án, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh có văn bản hướng dẫn riêng thì thực hiện theo quy định tại văn bản hướng dẫn đó; trường hợp không có quy định riêng thì thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Mức chi

1. Mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh được áp dụng theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này (đính kèm Phụ lục).

2. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì áp dụng quy định tại Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở:

1. Từ nguồn chi thường xuyên ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách.
2. Kinh phí từ nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Nguồn kinh phí xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật thực hiện theo Quyết định số 14/2019/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng, quản lý, khai thác Tủ sách pháp luật.

Điều 4. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc thông qua một số khoản chi có tính chất đặc thù bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Hậu Giang và Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐND ngày 03 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc quy định một số mức chi kinh phí thực hiện công tác chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân và công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 24 tháng 7 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 03 tháng 8 năm 2024. /

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Cục Quản trị II; Cục Hành chính - Quản trị II;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBMTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.HV *2/2*

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền

Trần Văn Huyền

Phụ lục
MỨC CHI BẢO ĐẢM CHO CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC
PHÁP LUẬT, CHUẨN TIẾP CẬN PHÁP LUẬT VÀ HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HẬU GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
1	Chi công tác phí cho những người đi công tác, kiểm tra, giám sát, bao gồm cả báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, người được mời tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật, cộng tác viên, chuyên gia tham gia đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải viên; chi tổ chức các cuộc họp (bao gồm cả cuộc họp bầu hòa giải viên, bầu tổ trưởng tổ hòa giải), hội nghị chuyên đề, hội nghị tổng kết, sơ kết, triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, các Chương trình, đề án, kế hoạch				
2	Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng				
a	Chi tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), chuẩn tiếp cận pháp luật, hòa giải ở cơ sở				Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
			2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh ban hành một số nội dung, mức chi chế độ hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang		
b	Chi hỗ trợ tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ, tiền phương tiện đi lại đối với học viên là đại biểu ở cấp xã thực hiện theo mức chi hỗ trợ đối với đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp		Thực hiện theo khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND		
3	Chi họp báo, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm				
a	Chi tổ chức họp báo, hội thảo, tọa đàm trao đổi kinh nghiệm PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở, giải pháp thực hiện chương trình, đề án, hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật cấp tỉnh; cấp huyện; Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án về PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở (bao gồm: Chi tổ chức các cuộc hội thảo, các phiên họp định kỳ, đột		Thực hiện theo Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 của HĐND tỉnh ban hành Quy định nội dung, định mức xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hậu Giang		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	xuất của Hội đồng phối hợp PBGDPL, Tổ Thư ký giúp việc Hội đồng phối hợp PBGDPL, Ban chỉ đạo, họp tư vấn, thẩm định của Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật cấp huyện)				
b	Chi chủ trì và các thành viên tham dự họp đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của cấp xã		Thực hiện theo điểm a khoản 6 Điều 4 Thông tư số 338/2016/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)		
4	Chi biên soạn tài liệu PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở đặc thù				
a	Tờ gấp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Đồng/tờ gấp đã hoàn thành	1.200.000	960.000	720.000
b	Tình huống giải đáp pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Đồng/tình huống đã hoàn thành	360.000	288.000	216.000
c	Câu chuyện pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định)	Đồng/câu chuyện đã hoàn thành	1.800.000	1.440.000	1.080.000
d	Tiểu phẩm pháp luật (bao gồm biên soạn, biên tập, thẩm định, lấy ý kiến chuyên gia)	Đồng/tiểu phẩm đã hoàn thành	6.000.000	4.800.000	3.600.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
5	Chi thực hiện các cuộc điều tra, khảo sát về PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở		Thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC và Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Hậu Giang		
6	Chi xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở và truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch của Hội đồng phối hợp PBGDPL, Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật, Ban chỉ đạo các chương trình, đề án, kế hoạch				
a	Xây dựng đề cương				
-	Xây dựng đề cương chi tiết	Đồng/đề cương	960.000	768.000	576.000
-	Tổng hợp hoàn chỉnh đề cương tổng quát	Đồng/đề cương hoàn chỉnh	1.600.000	1.280.000	960.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
b	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
-	Soạn thảo Chương trình, Đề án, Kế hoạch	Đồng/chương trình, kế hoạch, đề án	2.400.000	1.920.000	1.440.000
-	Soạn thảo báo cáo tiếp thu, tổng hợp ý kiến	Đồng/báo cáo	400.000	320.000	240.000
c	Tổ chức họp, tọa đàm góp ý				
-	Chủ trì	Đồng/người/buổi	200.000	160.000	120.000
-	Thành viên dự	Đồng/người/buổi	100.000	80.000	60.000
d	Ý kiến tư vấn của chuyên gia	Đồng/văn bản	400.000	320.000	240.000
đ	Xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
-	Chủ tịch Hội đồng	Đồng/người/buổi	200.000	160.000	120.000
-	Thành viên Hội đồng, thư ký	Đồng/người/buổi	150.000	120.000	90.000
-	Đại biểu được mời tham dự	Đồng/người/buổi	100.000	80.000	60.000
-	Nhận xét, phản biện của Hội đồng	Đồng/bài viết	300.000	240.000	200.000
-	Bài nhận xét của ủy viên Hội đồng	Đồng/bài viết	200.000	160.000	100.000
e	Ý kiến thẩm định (trường hợp không thành lập Hội đồng xét duyệt Chương trình, Đề án, Kế hoạch)	Đồng/bài viết	400.000	320.000	240.000
g	Xây dựng các văn bản quản lý, chỉ đạo, hướng	Đồng/văn bản	400.000	320.000	240.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	dẫn Chương trình, Đề án, Kế hoạch				
7	Chi thù lao				
a	Thù lao Báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên cơ sở, người được mời tham gia thực hiện PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở; hướng dẫn sinh hoạt chuyên đề Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt với tư cách là giảng viên		Thực hiện theo Thông tư số 36/2018/TT-BTC, Thông tư số 06/2023/TT-BTC và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND. Trường hợp thực hiện PBGDPL cho các đối tượng đặc thù theo quy định tại các Điều 17, 18, 19, 20, 21, 22 của Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật được hưởng thêm 20% mức thù lao được nhận.		
b	Thù lao huy động chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn tham gia triển khai các nhiệm vụ của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật (Danh sách chuyên gia, nhà khoa học, nhà hoạt động thực tiễn được chi trả thù lao huy động do người có thẩm quyền quy định tại Điều 3 Quyết định số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng phối hợp PBGDPL quyết định)		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước		
8	Chi xây dựng và duy trì sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt				
a	Hỗ trợ tiền ăn, nước uống cho thành viên tham gia	Đồng/người/ngày	50.000		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	Hội nghị ra mắt Câu lạc bộ (không quá 01 ngày)				
b	Tiền nước uống cho người dự sinh hoạt Câu lạc bộ pháp luật, nhóm nông cốt	Đồng/người/buổi		10.000	
9	Chi tổ chức cuộc thi, hội thi				
a	Chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thành viên ban tổ chức, các ban, tiểu ban, hội đồng những ngày tham gia trực tiếp tổ chức cuộc thi theo quyết định của cấp có thẩm quyền; chi hỗ trợ tiền ăn, ở cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày). Cán bộ, công chức, viên chức đã được hưởng khoản hỗ trợ tiền ăn, ở thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan		Thực hiện theo khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 08/2017/NQ- HĐND		
b	Chi tổ chức cuộc thi sân khấu, thi trên internet, có thêm mức chi đặc thù sau:				
-	Thuê văn nghệ, diễn viên	Đồng/người/ngày	450.000	360.000	270.000
-	Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hóa (đối với cuộc thi qua mạng điện tử)		Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; Thông tư số 18/2021/TT-BTTTT ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban		

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
			hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử; Thông tư số 42/2020/TT-BTTTT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động xuất bản, các định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá được cơ quan có thẩm quyền ban hành và các chế độ, định mức chi tiêu quy định hiện hành của cơ quan Nhà nước; Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh Hậu Giang ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động báo in, báo điện tử trên địa bàn tỉnh Hậu Giang		
c	Chi giải thưởng				
-	Giải nhất				
+	Tập thể	Đồng/giải thưởng	12.000.000	9.600.000	7.200.000
+	Cá nhân	Đồng/giải thưởng	7.200.000	5.760.000	4.320.000
-	Giải nhì				
+	Tập thể	Đồng/giải thưởng	8.400.000	6.720.000	5.040.000
+	Cá nhân	Đồng/giải thưởng	3.600.000	2.880.000	2.160.000
-	Giải ba				
+	Tập thể	Đồng/giải thưởng	6.000.000	4.800.000	3.600.000
+	Cá nhân	Đồng/giải thưởng	2.400.000	1.920.000	1.440.000
-	Giải khuyến khích				
+	Tập thể	Đồng/giải thưởng	3.600.000	2.880.000	2.160.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
+	Cá nhân	Đồng/giải thưởng	1.200.000	960.000	720.000
-	Giải phụ khác	Đồng/giải thưởng	600.000	480.000	360.000
10	Chi thực hiện báo cáo thống kê về hoạt động PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở				
a	Thu thập thông tin, xử lý số liệu báo cáo	Đồng/báo cáo	75.000	60.000	45.000
b	Báo cáo của UBND các cấp	Đồng/báo cáo	3.600.000	2.880.000	2.160.000
11	Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá theo định kỳ hoặc đột xuất về hoạt động PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND		
12	Chi công tác hòa giải ở cơ sở				
a	Chi thù lao cho hòa giải viên				
-	Thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải)	Đồng/vụ, việc	-	-	300.000
-	Thù lao cho hòa giải viên (đối với các hòa giải viên trực tiếp tham gia vụ, việc hòa giải) trường hợp vụ, việc hòa giải thành theo Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở	Đồng/vụ, việc	-	-	400.000

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
b	Hỗ trợ hoạt động của tổ hòa giải (mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải)	Đồng/tổ hòa giải/tháng	-	-	150.000
c	Hỗ trợ chi phí mai táng cho người tổ chức mai táng hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở		-	-	05 tháng lương cơ sở
13	Chi kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực PBGDPL, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở		Thực hiện theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.		